

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

Số: /QĐ-THPTĐST

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế tính điểm thi đua của lớp**  
**và đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh năm học 2018 - 2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY**

Căn cứ Quyết định số 3919/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường THPT Đào Sơn Tây;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ văn bản số 3019/GDDĐT-PC ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng Quy chế làm việc, Nội quy cơ quan, Nội quy đối với học sinh - sinh viên của cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quy chế làm việc của Trường THPT Đào Sơn Tây ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-THPTĐST ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng trường THPT Đào Sơn Tây;

Xét đề nghị của Phó hiệu trưởng phụ trách kỷ luật học sinh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tính điểm thi đua của lớp và đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh năm học 2018 – 2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 101/QĐ-THPTĐST ngày 7 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường THPT Đào Sơn Tây về việc ban hành Quy định về cách tính điểm thi đua của lớp và đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh năm học 2017 – 2018.

**Điều 3.** Các Ông, Bà trưởng các bộ phận của đơn vị, Trợ lý thanh niên, tổ Giám thị, giáo viên chủ nhiệm, học sinh và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thanh Hải**

# QUY CHẾ

## Tính điểm thi đua của lớp và đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh năm học 2018 – 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTĐST ngày 20 tháng 8 năm 2018  
của Hiệu trưởng trường THPT Đào Sơn Tây)

### A. VỀ NẾ NẾP, KỶ LUẬT HỌC SINH:

#### I. Giờ mở và đóng cổng trường

1. Giờ vào lớp
  - Buổi sáng: **6h45'**
  - Buổi chiều: **13h15'**
2. Giờ đóng cổng trường
  - Buổi sáng: **7h00'**
  - Buổi chiều: **13h30'**

#### II. Sổ đầu bài:

Quy định thời gian nhận và trả sổ đầu bài (SDB):

1. Giờ nhận SDB:
  - Buổi sáng: 6 giờ 45 phút – 6 giờ 55 phút;
  - Buổi chiều: 13 giờ 15 phút – 13 giờ 25 phút;
2. Giờ trả SDB:
  - Buổi sáng: trả trước 11 giờ 20 phút;
  - Buổi chiều: trả trước 16 giờ 20 phút;

#### III. Về kỷ luật:

##### 1. Chuyên cần:

##### **1.1. Vắng có phép:**

- Nghỉ học phải xin phép trong vòng 2 ngày; cha, mẹ hoặc người giám hộ khi đi xin phép phải mang theo giấy xin phép. Giấy xin phép phải có chữ kí mẫu của cha, mẹ hoặc người giám hộ;
- Trong tuần nếu xin phép sau ngày thứ 6 sẽ tính điểm thi đua lại cho tuần sau.

##### **1.2. Nghỉ học không phép:**

Nghỉ học không phép vào chiều thứ 6 sẽ được tính điểm cho tuần sau.

##### **1.3. Các trường hợp đặc biệt:**

- Học sinh xuống phòng giám thị, xuống phòng y tế, hoặc học sinh được phụ huynh xin phép về giữa buổi có lý do chính đáng không trừ điểm
- Học sinh bệnh nằm viện mà phụ huynh hoặc GVCN đã báo nhưng chưa gửi giấy ra viện vẫn được giải quyết có phép. Sau khi đi học lại, Phụ huynh phải bổ sung đầy đủ giấy tờ cần thiết (để không ảnh hưởng đến xếp loại hạnh kiểm cuối học kì cũng như cuối năm.)
- Đối với học sinh nghỉ học không phép do bỏ nhà đi hoặc bỏ học: vẫn trừ điểm cho đến khi cha mẹ đến trường xin phép và trình bày với Lãnh đạo trường; trường hợp GVCN không liên hệ được với cha, mẹ HS thì GVCN xin ý kiến lãnh đạo trường, phòng giám thị sẽ không trừ điểm thi đua từ khi được lãnh đạo trường đồng ý (có văn bản từ LĐ). Các trường hợp này khi đi học lại phải có sự đồng ý của Lãnh đạo nhà

trường và không được giải quyết có phép và sẽ bị phạt lao động từ 3 buổi trở lên tùy theo mức độ vi phạm.

## **2. Tác phong - Đồng phục:**

### **2.1 Tác phong:**

#### **2.1.1 Tóc:**

- Nam sinh: Mái trước không dài chạm chân mày khi kéo thẳng xuống; phía sau ót tóc không dài quá cổ áo; tóc hai bên không chạm vành tai, không được ngắn quá 2cm; không được nhuộm tóc;

- Nữ sinh: không được nhuộm tóc hoặc để tóc không phù hợp;

Nếu vi phạm, học sinh phải về chỉnh sửa tóc theo qui định và trình diện phòng giám thị trong vòng 3 ngày kể từ ngày vi phạm.

#### **2.1.2 Giày:**

- Nam sinh: giày bata, được phép mang giày sandal có quai hậu vào những ngày có mưa lớn;

- Nữ sinh: giày sandal có quai hậu hoặc giày bít; không mang giày đế cao quá 3cm, giày lười (nhựa)

Nếu vi phạm, phòng giám thị sẽ tạm thu giữ và trả lại giày, dép sai qui định khi phụ huynh vào nhận lại.

#### **2.1.3 Cặp táp, ba lô:**

Sử dụng ba lô của trường quy định, hoặc ba lô phù hợp với học sinh

Nếu vi phạm, phòng giám thị sẽ tạm thu giữ và trả lại ba lô, cặp táp, túi xách không đúng quy định khi phụ huynh vào nhận lại;

2.1.4 Trang điểm: học sinh nữ không được sơn móng tay, móng chân, đánh phấn, tô son, đánh mắt, đánh macara, đeo lens khác màu đen hoặc lồi tương đương khi đi học;

Khi vi phạm phải tẩy trang và trình diện phòng giám thị ngay sau đó.

**LƯU Ý:** Nghiêm cấm học sinh có bất cứ hình xăm nào trên người, nếu bị phát hiện sẽ được nhà trường yêu cầu xóa đi hoặc phụ huynh phải xin chuyển trường cho học sinh.

2.1.5 Các trường hợp đặc biệt được xét duyệt về vấn đề tác phong và đồng phục:

- Nếu học sinh đau chân không thể mang giày thì phải có sự xin phép của phụ huynh với phòng giám thị;

- Học sinh bị bệnh đậu mùa, nổi phong, sốt phát ban, phụ huynh có thể xin phép cho học sinh mặc đồng phục thể dục đi học trong suốt thời gian bị bệnh;

- Nếu học sinh nào có vấn đề về da đầu không thể để tóc hoặc có yêu cầu khác ngoài quy định, phụ huynh làm đơn gửi Lãnh đạo trường xét duyệt sau đó gửi đơn đã được xét duyệt lại cho phòng giám thị lưu giữ;

## **2.2. Đồng phục:**

- Sáng thứ 2 và sáng thứ 5: Học sinh nữ mặc áo dài trắng, học sinh nam mặc quần tây – áo sơ mi;
- Buổi học có tiết Thể dục hoặc GDQP: Học sinh mặc đồng phục thể dục và mang giày bata;
- Các buổi học còn lại: Học sinh mặc quần tây – áo sơ mi.

### **LƯU Ý:**

- \* Đồng phục sơ mi hay thể dục đều phải có phù hiệu do nhà trường cung cấp
- \* **Nam** khi mặc đồng phục sơ mi phải bỏ áo vào quần.

## **3. Nề nếp:**

- Học sinh phải tập trung vào lớp sau khi có hiệu lệnh trống vào lớp;
- Không được mang thức ăn, ly nước không có nắp đậy vào lớp và ăn uống trong lớp học, khu vực hành lang phòng học;
- Không đá bóng, đá cầu, đánh cầu lông trong khu vực hành lang, lớp học, chỉ được phép đá bóng nhựa trong sân trường trong giờ giải lao;
- Không sử dụng hệ thống âm thanh của lớp học để nghe nhạc hoặc làm việc riêng;
- Không ngủ, không sử dụng điện thoại hoặc làm việc riêng trong giờ học;
- Không nói chuyện, đùa giỡn, ăn uống, sử dụng điện thoại trong giờ chào cờ đầu tuần hoặc các buổi lễ;
- Tập trung chào cờ, sinh hoạt, dự lễ đúng thời gian quy định.

## **4. Các vi phạm khác:**

- Không phá hoại tài sản, cây xanh của nhà trường, nếu vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho nhà trường và tùy mức độ phá hoại sẽ bị xử lý kỷ luật cá nhân;
- Học sinh vi phạm nhưng không chấp hành phạt lao động hoặc thực hiện số buổi lao động không đầy đủ theo quy định sẽ bị:
  - \* không thực hiện lao động sẽ viết bản kiểm điểm, bị trừ 5 điểm và thực hiện lại số buổi lao động (nếu vẫn không thực hiện sẽ hạ một bậc hạnh kiểm)
  - \* Thiếu buổi ngoài việc thực hiện lại số buổi lao động còn bị trừ 2 điểm/buổi

## **IV. Vệ sinh:**

### **1. Vệ sinh lớp đầu giờ, cuối giờ:**

- Điểm vệ sinh là 5 điểm, không làm vệ sinh hoặc lớp còn dơ phòng giám thị sẽ trừ điểm;
- Vệ sinh cửa kính: các lớp vệ sinh cửa kính các phòng học, sáng thứ ba tuần đầu của tháng tổ giám thị sẽ kiểm tra và chấm điểm, điểm cửa kính là 5 điểm.

### **2. Vệ sinh phòng học cuối học kỳ:**

- Tổng vệ sinh các phòng học: lau, dọn vệ sinh lớp, lau cửa kính, bệ cửa, bảng, lau quạt, chùi rửa tường và chà sàn nhà.
- Không làm tổng vệ sinh chung – 3đ/tổng điểm trung bình lớp.

## B. QUY ĐỊNH TÍNH ĐIỂM THI ĐUA CỦA LỚP:

### I. Cách tính điểm:

- Điểm thi đua tuần = Tổng số điểm trên sổ đầu bài – Tổng số điểm bị trừ
- Điểm thi đua Học kì = (Tổng điểm thi đua tuần + điểm cộng) / số tuần.

### II. Quy tắc cộng – trừ điểm thi đua của lớp:

#### 1. Điểm cộng:

- Phong trào đoàn (theo đề nghị của Đoàn TN);
- Phong trào của các tổ chuyên môn (theo đề nghị của tổ chuyên môn);
- Các điểm cộng khác theo yêu cầu của Lãnh đạo nhà trường.
- **Điểm cộng không quá 3đ/hs (chỉ tính điểm cho cá nhân)**

#### 2. Điểm trừ lớp:

##### 2.1 Chuyên cần:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Nghỉ có phép do nằm viện hoặc mắc các bệnh truyền nhiễm như thủy đậu, đau mắt đỏ, ...	<b>Không trừ</b>	Trừ điểm thi đua lớp
2	Nghỉ có phép vì các lý do khác	- <b>1đ</b> / hs / 1 buổi	
3	Nghỉ không phép	- <b>3đ</b> / hs / 1 buổi	
4	Đi trễ	- <b>2đ</b> / hs / 1 buổi	
5	Trốn học, trốn các giờ sinh hoạt chung	- <b>2đ</b> / hs / <u>1 tiết</u>	

##### 2.2 Tác phong:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Tóc	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	Trừ điểm thi đua lớp
2	Đồng phục	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	
3	Phù hiệu	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	
4	Giày dép	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	
5	Ba lô, cặp táp, túi xách	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	
6	Trang điểm	- <b>1đ</b> / hs / 1 lần	

##### 2.3 Nề nếp:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	HS ra khỏi lớp giờ đôi tiết (không có lý do)	- <b>1đ</b> / hs	Trừ điểm thi đua lớp
2	Xếp hàng không đúng giờ qui định (SHDC, lễ,...)	- <b>5đ</b> / lần	
3	Ăn quà vặt, mang đồ ăn thức uống lên lớp	- <b>1đ</b> / hs	
4	Đá bóng, đá cầu... trên các hành lang	- <b>1đ</b> / hs	
5	Leo trèo lên bàn ghế, ngồi trên bàn ghế GV	- <b>1đ</b> / hs	
6	Vẽ, viết lên tường...	- <b>2đ</b> / hs	
7	Gây mất trật tự đầu giờ hoặc trong giờ học	- <b>2đ</b> / hs	
8	Gây mất trật tự, ăn uống, xả rác, sử dụng điện thoại trong giờ sinh hoạt dưới cờ.	- <b>2đ</b> / hs	
9	Chạy xe trong sân trường	- <b>2đ</b> / hs	

## 2.4 Vệ sinh:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Còn rác trong lớp	- 5đ / lần	Trừ điểm thi đua lớp
2	Không làm vệ sinh lớp	- 5đ / lần	
3	Không tắt đèn quạt	- 5đ / lần	

### Lưu ý:

- Các lỗi vi phạm phải trình diện phòng giám thị, nếu học sinh không trình diện sẽ bị trừ thêm 2đ/tuần;
- Các trường hợp phòng giám thị phạt lao động mà học sinh không chấp hành sẽ bị trừ 4đ /hs;
- Các lỗi vi phạm tập thể sẽ bị trừ theo thang điểm từ 5 → 20đ hoặc theo sĩ số học sinh trong lớp;
- Lớp không nộp Sổ thi đua thì phòng giám thị không tính được điểm nên kết quả = 0đ/ tuần đó.

### III. Phương pháp xử lý kỷ luật học sinh:

**1. Các lỗi vi phạm nhẹ:** Phòng giám thị sẽ ghi nhận trong sổ thi đua và Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp xử lý;

**2. Các lỗi vi phạm nặng:** đánh nhau, mang hung khí vào trường, ăn cắp, đánh bài, uống rượu, bia, hút thuốc lá, sử dụng chất kích thích, phá hoại tài sản công, vô lễ với cán bộ, giáo viên, công nhân viên, vi phạm luật giao thông, sử dụng, tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy ..., thì phòng giám thị mời Cha, mẹ HS đến trường làm việc và xử lý học sinh ngay lần đầu vi phạm.

### **3. Quy trình xử lý học sinh:**

- Bước 1: Giáo viên chủ nhiệm xử lý kỉ luật học sinh trên lớp (nhắc nhở - khiển trách – cảnh cáo và lập biên bản tại lớp);
- Bước 2: Các trường hợp vi phạm có hệ thống đề nghị Giáo viên chủ nhiệm chuyển về phòng giám thị xử lý tiếp;
- Bước 3: Phòng giám thị kết hợp với Giáo viên chủ nhiệm cùng Lãnh đạo nhà trường xử lý;
- Bước 4: Lập hội đồng kỉ luật xử lý học sinh vi phạm.

## C. ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM HỌC SINH

### **I. Quy trình đánh giá hạnh kiểm học sinh**

Đánh giá hạnh kiểm học sinh được chia làm 2 đợt: Học kì I và học kì II.

1. Hạnh kiểm học kì I: đánh giá dựa trên điểm hạnh kiểm HKI
2. Hạnh kiểm học kì II: đánh giá dựa trên điểm hạnh kiểm HKII
3. Hạnh kiểm cả năm
  - Hạnh kiểm cả năm dựa trên kết quả hạnh kiểm HKII
  - **Nếu HK1 học sinh bị xếp HK Yếu thì cả năm không được xếp HK Tốt**

## II. Hình thức đánh giá dựa vào điểm số

Mỗi học kì một học sinh có 100 điểm

Điểm đánh giá hạnh kiểm = 100 – điểm vi phạm

### 1. Hạnh kiểm tốt

Điểm đánh giá từ 90 điểm trở lên

### 2. Hạnh kiểm khá

Điểm đánh giá từ 75 điểm đến dưới 90 điểm

### 3. Hạnh kiểm trung bình

Điểm đánh giá từ 50 điểm đến dưới 75 điểm

### 4. Hạnh kiểm yếu

Điểm đánh giá dưới 50

## III. Quy định về điểm trừ cá nhân học sinh

### 1. Chuyên cần

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Nghỉ có phép do nằm viện hoặc mắc các bệnh truyền nhiễm như thủy đậu, đau mắt đỏ, ...	<b>Không trừ</b>	
2	Nghỉ có phép vì các lý do khác	- 1đ / 1 buổi	
3	Nghỉ không phép	- 3đ / 1 buổi	
4	Đi trễ	- 2đ / 1 buổi	
5	Trốn học, trốn các giờ sinh hoạt chung	- 2đ / 1 tiết	

### 2. Tác phong:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Tóc	- 1đ/ lần	
2	Đồng phục	- 1đ/ lần	
3	Phù hiệu	- 1đ/ lần	
4	Giày dép	- 1đ/ lần	
5	Ba lô, cặp táp, túi xách	- 1đ/ lần	
6	Trang điểm	- 1đ/ lần	

### 3. Nề nếp:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ	Ghi chú
1	HS ra khỏi lớp giờ đôi tiết (không có lý do)	- 1đ / lần	
2	Xếp hàng không đúng giờ qui định (SHDC, lễ,...)	- 1đ / lần	
3	Ăn quà vặt, mang đồ ăn thức uống lên lớp	- 1đ / lần	
4	Đá bóng, đá cầu... trên các hành lang	- 1đ / lần	
5	Leo trèo lên bàn ghế, ngồi trên bàn ghế GV	- 1đ / lần	
6	Vẽ, viết lên tường...	- 2đ / lần	
7	Gây mất trật tự đầu giờ hoặc trong giờ học	- 2đ / lần	
8	Gây mất trật tự, ăn uống, xả rác, sử dụng điện thoại trong giờ sinh hoạt dưới cờ.	- 2đ / lần	
9	Chạy xe trong sân trường...	- 2đ / lần	

#### 4. Các vi phạm khác:

TT	Nội dung vi phạm	Hình thức xử lí	Ghi chú
1	Nói tục, chửi thề	<b>Hạ 1 bậc hạnh kiểm</b>	
2	Đánh bài trong lớp hoặc trong khuôn viên trường		
3	Ăn cắp vặt		
4	Uống rượu, bia, hút thuốc lá trong trường		
5	Sử dụng điện thoại trong giờ học		
6	Đọc, cất giữ, lưu hành VH phẩm đồi trụy		
7	Sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích	<b>Hạnh kiểm yếu</b> (Theo Thông tư 58)	
8	Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác		
9	Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử		
10	Mang hung khí, vật nhọn vào trường		
11	Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội		
12	Vi phạm an toàn giao thông		
13	Gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác		

**Nơi nhận:**

- BGH;
- Ban đại diện CMHS;
- GVCN;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Thanh**